

Bản án số: 07/2021/HS-ST

Ngày 05-02-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trang Thái Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Thiện Khiêm;

Ông Nguyễn Văn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy An – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Ngô Minh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại Trung tâm Văn hóa Thể thao - Học tập cộng đồng xã Long Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2021/TLST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 01 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn K, sinh ngày 01/01/1982, tại tỉnh Tây Ninh. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Ấp N, xã L, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T (chết) và bà Tạ Thị T; có vợ tên Nguyễn Thị Bé Đ và 02 người con, lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2020; tiền án: không, tiền sự: Ngày 29/5/2020, bị Công an xã Long Thuận, huyện Bến Cầu xử phạt số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Đánh bạc trái phép” theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 31/QĐ-XPHC; bị bắt tạm giam từ ngày 04/9/2020 cho đến nay. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn K là ông Đinh Bửu L và bà Võ Hương D - Luật sư của Công ty luật TNHH MTV Bảo Minh Lý thuộc Đoàn luật

sư tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

2. Phan Văn T, sinh ngày 03/11/1985, tại tỉnh Tây Ninh. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Ấp N, xã L, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: làm mướn; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn G (chết) và bà Trần Thị N (chết); có vợ tên Nguyễn Thị Thúy K và 01 người con sinh năm 2011; tiền án: không; tiền sự: không; Bị bắt tạm giam từ ngày 04/9/2020 đến nay. Có mặt.

3. Huỳnh Thanh D (tên gọi khác: Quậy), sinh năm: 1992, tại tỉnh Tây Ninh. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp L, xã L, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn K (chết) và bà Lê Thị N; vợ con chưa có; tiền án: Ngày 16/9/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu áp dụng điểm a khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số: 53/2016/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/10/2018; tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/9/2020 cho đến nay. Có mặt.

4. Mai Văn B, sinh ngày 19/7/1989, tại tỉnh Tây Ninh. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Ấp L, xã L, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con Mai Văn P (chết) và bà Đinh Thị T; có vợ tên Hồ Thị T và 02 người con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2019; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 01/12/2020 đến nay. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 07/7/2020, Phan Văn T nhận điện thoại của 01 người nam thanh niên tên Tú ở Campuchia, Tú nhờ T đưa 03 người Việt Nam sang Campuchia, gồm: Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1991, trú tại: ấp Đ, xã V, huyện C, tỉnh An Giang; Trần Minh T, sinh năm 1996, trú tại: ấp B, xã C, thị xã B, tỉnh Bình Dương; Ngô Minh M, sinh năm 1982, trú tại: ấp T, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh, với số tiền 3.000.000 đồng /01 người, khi đưa được sang Campuchia thì nhận tiền công, T đồng ý. Phan Văn T kêu 03 người đi đến cây xăng gần Ủy ban

nhân dân xã L, huyện Bến Cầu để T tổ chức đưa sang Campuchia. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, T điện thoại cho Phạm Văn K, sau đó K điện thoại cho Huỳnh Thanh D cùng tham gia việc đưa người xuất cảnh trái phép, khi xong việc thì tiền công sẽ chia đều cho cả 03, K và D đồng ý. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, T điện thoại kêu K và D chở người để đưa đi, K sử dụng xe mô tô biển số: 70H8-6192, D sử dụng xe mô tô biển số: 51Y9-2925, đồng thời K kêu thêm 01 người chạy xe hon da ôm (chưa rõ họ tên) để đi chở người. K, D và người chạy xe hon da ôm chở T, T, M đưa đến khu vực nhà ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1969, trú tại: ấp L, xã L, huyện Bến Cầu để D đưa đi bộ sang Campuchia. Đến khoảng 01 giờ ngày 08/7/2020, Huỳnh Thanh D dẫn T, T, M đi bộ bằng đường tiểu ngạch sang Campuchia thì bị Công an xã L phát hiện bắt giữ tại khu vực đường tuần tra thuộc ấp L, xã L, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

Quá trình điều tra, Phạm Văn K, Phan Văn T, Huỳnh Thanh D còn tự nguyện khai nhận đã 03 lần tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép, trong đó có 01 lần cùng Mai Văn B thực hiện, cụ thể:

Lần thứ nhất: Ngày 13/5/2020, K được 01 người nam Campuchia (chưa rõ họ tên) gọi điện thoại nhờ đưa Nguyễn Văn H sinh năm 1973, trú tại: ấp B, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai từ cửa khẩu Quốc tế Mộc Bài sang Campuchia, tiền công 2.500.000 đồng. K điện thoại cho T, D và B cùng tham gia. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, B dùng xe mô tô biển số: 70B1-450.58 đi làm nhiệm vụ cảnh giới, thấy không có lực lượng chức năng nên B điện thoại báo cho K, K kêu T đi chở H, T dùng xe mô tô không có gắn biển số chở H đến giao cho D, để D dẫn đi bộ sang Campuchia bằng đường tiểu ngạch. Khoảng 00 giờ 45 phút ngày 14/5/2020, khi D đang đưa H đi sang Campuchia thì bị lực lượng Biên phòng cửa khẩu Quốc tế Mộc Bài phát hiện bắt giữ.

Lần thứ hai: Khoảng tháng 6/2020, T nhận điện thoại từ người nam thanh niên tên Tú ở Campuchia, thuê đưa 01 người Việt Nam (chưa rõ họ tên) sang Campuchia giá 2.500.000 đồng. T kêu K dùng xe mô tô biển số: 70H8-6192 đi chở 01 người từ cây xăng Minh Anh thuộc ấp C, xã C, huyện G, tỉnh Tây Ninh đến ngã tư thuộc ấp L, xã L, huyện Bến Cầu, K giao người này lại cho D dẫn đi bộ bằng đường tiểu ngạch để sang Campuchia, xong cả 03 nhận tiền chia nhau tiêu xài cá nhân hết.

Lần thứ ba: Sau lần thứ hai khoảng 04 ngày, tương tự như lần thứ hai, T, K, D đưa 01 người Việt Nam (chưa rõ họ tên) sang Campuchia với số tiền 2.500.000 đồng, xong cả 03 nhận tiền chia nhau tiêu xài cá nhân hết.

Tại Kết luận giám định số: 1401/KL-KTHS ngày 13/9/2020 và số: 1926/KL-KTHS của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh kết luận: Số khung, số máy các xe mô tô biển số: 70B1-450.58; 51Y9-2925 và 70H8-6192 không bị đục xóa.

Vật chứng thu giữ:

- Thu giữ của Phạm Văn K: 01 xe mô tô Honda Dream (Trung Quốc), màu nâu, biển số: 70H8-6192; số khung LZSXCHLS6Y2091629, số máy ZS100FMH6Y2091629 (đã qua sử dụng); 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy biển số: 70H8-6192; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu đen, số IMEI: 353101117325802 có lắp thẻ sim số 0348801675; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu đen, số IMEI: 352899101009149 (đã qua sử dụng), có lắp thẻ sim số 0978813455.

- Thu giữ của Huỳnh Thanh D: 01 xe mô tô Honda Dream (Trung Quốc), thân máy có chữ HAVICO màu nâu, biển số: 51Y9-2925; số khung VMEPCG0022049322, số máy VKV1P52FMH618451 (đã qua sử dụng); 01 điện thoại di động hiệu Mobell, màu đen, số IMEI: 830011600436771, có lắp sim số 0376400478 (đã qua sử dụng); 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu trắng, số IMEI: 357344086299824, có lắp thẻ sim số 0384360084 (đã qua sử dụng).

- Thu giữ của Phan Văn T: 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đỏ, số IMEI: 353112113316828, có lắp sim số 0961199892 (đã qua sử dụng); 01 điện thoại di động hiệu Samsung, số IMEI: 351580/10/978041/7 (đã qua sử dụng); 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu xanh, số IMEI: 357752107248614, bên trong có gắn 02 thẻ sim số 0374073685 và 0394576746. (đã qua sử dụng).

- Thu giữ của Mai Văn B: 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave (Trung Quốc), màu xanh, biển số: 70B1-450.58, số khung NJ110*, số máy: không có (đã qua sử dụng); 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy biển số: 70B1-450.58.

- Thu giữ số tiền Việt Nam 3.900.000 đồng (do D, K, T mỗi bị cáo nộp 1.300.000 đồng).

Tại bản Cáo trạng số: 02/CT-VKSBC ngày 18 tháng 01 năm 2021, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh truy tố Phạm Văn K, Phan Văn T, Huỳnh Thanh D về tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Truy tố Mai Văn B về tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Văn K, Phan Văn T, Huỳnh Thanh D, Mai Văn B đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về mức hình phạt:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 348; Điều 17; Điều 58; điểm b, r, s khoản 1 Điều 51; điểm 1 khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt Phạm Văn K từ 06 (sáu) năm đến 07 (bảy) năm tù. Căn cứ Điều 35; khoản 4 Điều 348 của Bộ luật Hình sự năm 2015 phạt bổ sung từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng sung ngân sách nhà nước.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 348; Điều 17; Điều 58; điểm b, r, s khoản 1 Điều 51; điểm h, l khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt Huỳnh Thanh D từ 06 (sáu) năm đến 07 (bảy) năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 348; Điều 17; Điều 58; điểm b, r, s khoản 1 Điều 51; điểm 1 khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt Phan Văn T từ 05 (năm) năm đến 06 (sáu) năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung.

- Căn cứ khoản 1 Điều 348; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm 1 khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt Mai Văn B từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về xử lý vật chứng:

Căn cứ các Điều 47, 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng trong vụ án theo qui định pháp luật.

Các bị cáo Phan Văn T, Huỳnh Thanh D và Mai Văn B không có ý kiến tranh luận.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn K là bà Võ Hương D trình bày: Thống nhất về tội danh và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ như đại diện Viện kiểm sát đề nghị nhưng về mức hình phạt tù đối với bị cáo K, bà D không thống nhất. Bởi lẽ, ngoài 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được qui định tại điểm b, r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì bị cáo có con nhỏ dưới

36 tháng tuổi, học vấn thấp là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được qui định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Do bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ qui định tại khoản 1 và 01 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt tù bị cáo K dưới mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn K là ông Đinh Bửu L trình bày: Thống nhất lời bào chữa của bà D cho bị cáo K nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo K là lao động chính trong gia đình, đang nuôi mẹ già trên 66 tuổi và em trai bị bệnh tâm thần là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được qui định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Khởi.

Bị cáo Phạm Văn K thống nhất lời bào chữa của bà D và ông L, không trình bày gì thêm.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng: Các bị cáo Phạm Văn K, Phan Văn T, Huỳnh Thanh D, Mai Văn B xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Tây Ninh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục qui định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về xác định tội danh:

Qua điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận từ ngày 13/5/2020 đến ngày 08/7/2020, Phạm Văn K, Phan Văn T, Huỳnh Thanh D đã 04 lần tổ chức đưa người Việt Nam xuất cảnh trái phép sang Campuchia, trong đó có 01 lần Phạm Văn K, Phan Văn T, Huỳnh Thanh D cùng Mai Văn B đưa 01 người Việt Nam xuất cảnh trái phép sang Campuchia. Trong 04 lần thực hiện đưa người

xuất cảnh trái phép, xác định được tên 04 người xuất cảnh trái phép gồm Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị Bích T, Trần Minh T, Ngô Minh M.

Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai người làm chứng; phù hợp với vật chứng và các tài liệu chứng cứ khác được thu giữ. Do đó, có đủ cơ sở xác định:

Phạm Văn K, Phan Văn T, Huỳnh Thanh D phạm tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép” được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Mai Văn B phạm tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép” được quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Do đó, Cáo trạng số: 02/CT-VKSBC ngày 18 tháng 01 năm 2021, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh truy tố các bị cáo là có căn cứ.

[3] Vụ án mang tính chất rất nghiêm trọng, các bị cáo là người đã thành niên, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, các bị cáo nhận thức rõ tạm thời không cho người xuất cảnh, nhập cảnh để phòng ngừa lây lan dịch bệnh Covid-19, nhưng vì mục đích vụ lợi các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép sang Campuchia. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh và cư trú. Do đó cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo để giáo dục răn đe các bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[4] Xét hành vi phạm tội của từng bị cáo thì thấy rằng:

Bị cáo K là người trực tiếp liên hệ, tổ chức, phân công nhiệm vụ cho các bị cáo khác và tham gia đưa người trái phép qua biên giới. Do đó bị cáo K là người giữ vai trò chính nên phải chịu mức án cao nhất trong vụ án.

Bị cáo D, bị cáo T tham gia với bị cáo K 04 lần đưa người xuất cảnh trái phép trong vai trò đồng phạm nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình đã thực hiện.

Bị cáo B tham gia với bị cáo K, T, D 01 lần đưa người xuất cảnh trái phép trong vai trò giúp sức nên bị cáo chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình đã thực hiện.

[5] Khi quyết định hình phạt, có xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân đối với các bị cáo:

Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo lợi dụng tình hình dịch Covid-19 diễn ra phức tạp, toàn xã hội đang tiến hành các biện pháp cách ly, phòng chống sự lây

lan của dịch bệnh, việc xuất nhập cảnh bị hạn chế để thực hiện hành vi phạm tội nhằm thu lợi cá nhân do đó các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm 1 khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo D có 01 tiền án về tội nghiêm trọng chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm 1 khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Các bị cáo K, T, D mỗi bị cáo tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 1.300.000 đồng và tự khai báo ra các lần phạm tội trước chưa bị phát hiện là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Về nhân thân: Bị cáo K có một tiền sự chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính nhưng tiếp tục phạm tội sẽ được xem xét khi quyết định hình phạt.

[6] Áp dụng hình phạt:

Luật sư D; Luật sư L đề nghị áp dụng điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt tù bị cáo K dưới mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là không có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, bị cáo K nhận thức rõ tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn ra phức tạp, toàn xã hội đang tiến hành các biện pháp cách ly, phòng chống sự lây lan của dịch bệnh nhưng bị cáo cố ý thực hiện hành vi phạm tội vì vụ lợi cá nhân. Quá trình luận tội, đại diện Viện kiểm sát đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo K và đề nghị áp dụng mức phạt tù cho bị cáo K từ 06 (sáu) năm đến 07 (bảy) năm tù là phù hợp.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị áp dụng hình phạt tù và phạt bổ sung đối với bị cáo K; áp dụng hình phạt tù và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo D, T, B là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- 01 xe mô tô Honda Dream, màu nâu, biển số: 70H8-6192; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy biển số: 70H8-6192; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu đen, số IMEI: 353101117325802 có lắp thẻ sim số

0348801675; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu đen, số IMEI: 352899101009149, có lắp thẻ sim số 0978813455 của bị cáo K.

- 01 xe mô tô Honda Dream, thân máy có chữ HAVICO màu nâu, biển số: 51Y9-2925; 01 điện thoại di động hiệu Mobell, màu đen, số IMEI: 830011600436771, có lắp sim số 0376400478; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu trắng, số IMEI: 357344086299824, có lắp thẻ sim số 0384360084 của bị cáo D.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đỏ, số IMEI: 353112113316828, có lắp sim số 0961199892; 01 điện thoại di động hiệu Samsung, số IMEI: 351580/10/978041/7; 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu xanh, số IMEI: 357752107248614, bên trong có gắn 02 thẻ sim số 0374073685 và 0394576746. của bị cáo T.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave, màu xanh, biển số: 70B1-450.58, số khung NJ110*, số máy: không có và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy biển số: 70B1-450.58 của bị cáo B;

- Số tiền Việt Nam 3.900.000 đồng.

Là công cụ, phương tiện phạm tội và tiền thu lợi bất chính của các bị cáo nên tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[8] Đối với người nam thanh niên tên Tú ở Campuchia và người đàn ông chạy xe ôm không rõ địa chỉ, lai lịch nên không làm việc được, khi nào làm việc được xử lý sau.

[9] Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Tây Ninh có Công văn đề nghị Công an huyện Bến Cầu ra quyết định xử phạt hành chính đối với Nguyễn Thị Bích T, Trần Minh T, Ngô Minh M; Đồn Biên phòng Cửa khẩu Quốc tế Mộc Bài đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Văn H về hành vi qua lại biên giới quốc gia mà không làm thủ tục xuất cảnh theo quy định.

[10] Đối với ông Nguyễn Văn Đ không biết các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên không xử lý.

[11] Tiếp tục thực hiện Lệnh kê biên tài sản số: 04/ANĐT ngày 30/11/2020 của Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Tây Ninh đối với tài sản của bị cáo Khởi.

[12] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 348; Điều 17; Điều 58; điểm b, r, s khoản 1 Điều 51; điểm 1 khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Phạm Văn K 06 (sáu) năm tù về tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04 tháng 9 năm 2020.

Căn cứ Điều 35; khoản 4 Điều 348 của Bộ luật Hình sự năm 2015 phạt bổ sung bị cáo Phạm Văn K số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng sung vào ngân sách nhà nước.

2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 348; Điều 17; Điều 58; điểm b, r, s khoản 1 Điều 51; điểm h, l khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Huỳnh Thanh D 06 (sáu) năm tù về tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04 tháng 9 năm 2020.

3. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 348; Điều 17; Điều 58; điểm b, r, s khoản 1 Điều 51; điểm 1 khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Phan Văn T 05 (năm) năm tù về tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04 tháng 9 năm 2020.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 348; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm 1 khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Mai Văn B 02 (hai) năm tù về tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01 tháng 12 năm 2020.

5. Căn cứ Điều 126 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tiếp tục thực hiện Lệnh kê biên tài sản số: 04/ANĐT ngày 30/11/2020 của cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Tây Ninh đối với tài sản của bị cáo Phạm Văn Khởi.

6. Về vật chứng: Căn cứ các Điều 47, 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:

- Tiền Việt Nam 3.900.000 (ba triệu chín trăm nghìn) đồng;

- 01 xe mô tô Honda Dream (Trung Quốc), màu nâu, biển số: 70H8-6192; số khung LZSXCHLS6Y2091629, số máy ZS100FMH6Y2091629; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy biển số: 70H8-6192; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu đen, số IMEI: 353101117325802 có lắp thẻ sim số 0348801675; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu đen, số IMEI:

352899101009149 có lắp thẻ sim số 0978813455 đều đã qua sử dụng của bị cáo Phạm Văn K;

- 01 xe mô tô Honda Dream (Trung Quốc), thân máy có chữ HAVICO, màu nâu, biển số: 51Y9-2925; số khung VMEPCG0022049322, số máy VKV1P52FMH618451; 01 điện thoại di động hiệu Mobell, màu đen, số IMEI: 830011600436771 có lắp sim số 0376400478; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu trắng, số IMEI: 357344086299824 có lắp thẻ sim số 0384360084 đều đã qua sử dụng của bị cáo Huỳnh Thanh D.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đỏ, số IMEI: 353112113316828, có lắp sim số 0961199892; 01 điện thoại di động hiệu Samsung, số IMEI: 351580/10/978041/7; 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu xanh, số IMEI: 357752107248614, bên trong có gắn 2 thẻ sim số 0374073685 và 0394576746 đều đã qua sử dụng của bị cáo Phan Văn T;

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave (Trung Quốc), màu xanh, biển số: 70B1-450.58, số khung NJ110*, số máy: không có; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy biển số: 70B1-450.58 đều đã qua sử dụng của bị cáo Mai Văn B.

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng ngày 04/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh)

7. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Phạm Văn K, Huỳnh Thanh D, Phan Văn T, Mai Văn B mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

8. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Phạm Văn K, Huỳnh Thanh D, Phan Văn T, Mai Văn B được quyền kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng PV 06;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- Công an huyện Bến Cầu;
- UBND xã Long Thuận;
- UBND xã Long Chữ;
- Bị cáo;
- T.H.A phạt tù;
- Chi cục T.H.A. huyện Bến Cầu;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trang Thái Châu